

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhã

2. Ông Nguyễn Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1970; địa chỉ: số nhà B ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Ông Trần Văn D**, sinh năm 1970; địa chỉ: số nhà B ấp B, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 12/7/2024, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 15 tháng 09 năm 2003, bà L và ông Trần Văn D có tiến đến hôn nhân. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15 tháng 09 năm 2003. Thời gian chung sống hạnh phúc với nhau được 11 năm. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Hiện nay bà L và ông D đã ly thân khoảng 01 năm. Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết cho bà L được ly hôn với ông D. Bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà L và ông D có hai người con chung tên Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 23/07/1992, Trần Ngọc Phương T sinh ngày 13/08/2003, hiện hai người con đã trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà L và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 12/7/2024, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phía bị đơn ông Trần Văn D đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Tòa án và đã được triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Mỹ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà L và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15 tháng 09 năm 2003. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà L cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà L xác định đã không còn tình cảm với ông D nên xin được ly hôn với ông D. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”. Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà L và ông D đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông D, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông D không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà L và ông D có hai người con chung tên Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 23/07/1992 và Trần Ngọc Phương T sinh ngày 13/08/2003, hiện hai người con đã trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà L và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ L đối với ông Trần Văn D. Bà L được ly hôn với ông D. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà L và ông D có hai người con chung tên Trần Ngọc Đăng K sinh ngày 23/07/1992 và Trần Ngọc Phương T sinh ngày 13/08/2003, hiện hai người con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: bà L và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: bà L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000962 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Bà Võ Thị Mỹ L và ông Trần Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND thị trấn Cái Nhum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga